TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĐ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĐ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Lợi và bà Nguyễn Nhàn Khánh Phú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhân Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn M Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 559/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023; Thông báo số 576/TB-TAND, ngày 24/8/2023 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm: 1975.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Quế T (tên thường gọi: Nhỏ), sinh năm: 1975.

Đều trú tại: TDP 2, thị trấn KT, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế (anh M, chị T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 6 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc M trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn, vợ chồng có tìm hiểu nhau trong thời gian dài và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, sau đó đi đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2001 tại Ủy ban nhân dân xã LS, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân của vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với mẹ anh tại tổ dân phố 5, thị trấn Khe Tre, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế một thời gian thì ra ở riêng tại tổ dân phố 2, thị trấn Khe Tre, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến nay. Cuộc sống hôn nhân mới đầu có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn thì không còn hạnh phúc

nữa. Nguyên nhân mẫu thuẫn về tiền bạc trong gia đình, do nợ nần nên ngày 06/9/2022 vợ anh là chị Nguyễn Thị Quế T bỏ đi, đi đâu và làm gì thì không rõ. Đến tháng 5 năm 2023 chị T viết đơn tố cáo anh ngoại tình gửi đến Trường Trung học cơ sở - Dân tộc Nội trú NĐ, nơi anh công tác, nhà trường đã làm việc nhiều lần và đã ra thông báo kết luận không có đủ cơ sở xác định anh ngoại tình, chị T nhắn tin chửi bới, xúc phạm anh với những ngôn từ tục tĩu, khó nghe. Đến tháng 6/2023 chị T trở về gia đình, chửi mắng các chị của anh và la mắng con gái anh, đập phá đồ đạc trong nhà, không quan tâm gì đến các con, thích thì đi thích thì về chửi bới lung tung, cha anh đã chết cũng bị chửi nên các con anh xa lánh mẹ; tranh thủ không có cha con anh ở nhà về lấy dao lam cắt phá quần, xả xì lốp xe. Thực tế vợ chồng không sống chung với nhau từ ngày 06/9/2022 cho đến nay; hiện nay anh đang thuê nhà trọ ở cùng với hai người con tại tổ dân phố 2, thị trấn Khe Tre, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vợ chồng không quan tâm gì đến nhau; anh không còn tình cảm gì với chị T, để ổn định cuộc sống anh M yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Quế T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Ngọc Anh Q, sinh ngày 27/10/2001 và Nguyễn Ngọc Anh Q, ngày 08/6/2004. Những người con chung này đã đủ 18 tuổi nên anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Quế T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị đồng ý về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như anh M trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại tổ dân phố 2, thị trấn Khe Tre, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân của vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 02/2023 chị phát hiện anh M có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, người phụ nữ tên là Nguyễn Thị Hoài Phương. Ngày 20/6/2023, anh M kêu chị về, chị nghĩ về nhà để vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc nhưng về đến nhà anh M chửi mắng, vác rựa rượt đuổi chị. Cứ mất đồ trong nhà là đổ thừa, gọi người thân của anh M đến chửi mắng, hăm dọa chị. Mục đích anh M mong muốn ly hôn với chị là để sống với người tình. Theo bản tự khai của anh M, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị đánh bạc, chị không đồng ý, việc chị đánh bạc đều có sự đồng thuận của vợ chồng, chị đứng ra chịu trách nhiệm để anh M có đồng lương nuôi vợ, nuôi con ăn học; chị muốn lật lại vụ án hình sự đó để làm rõ có sự đồng phạm của anh M. Chị T không đồng ý ly hôn với anh M vì hiện tại chị đang có đơn tố cáo chồng có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị đang chờ Phòng giáo dục và Đào tạo huyện NĐ; Trường Trung học cơ sở - Dân tộc nội trú NĐ giải quyết, nếu không giải quyết chị sẽ nhờ cấp cao hơn.

Về con chung: Chị đồng ý với trình bày của anh M, hiện nay những người con chung của vợ chồng đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc M, anh M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Quế T; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Quế T, sinh năm 1975; Nơi thường trú: Tổ dân phố 2, thị trấn Khe Tre, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Thị Quế T tự nguyện kết hôn vào ngày 24 tháng 02 năm 2001, đăng ký kết hôn tại: Ủy ban nhân dân xã LS, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân của anh M và chị T là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại tổ dân phố 2, thị trấn Khe Tre, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến nay. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên tại phiên tòa anh M vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị T, xét thấy vợ chồng anh M, chị T phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, chửi mắng xúc phạm lẫn nhau, anh M và chị T đều xác nhận mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng. Việc chị T không đồng ý ly hôn với anh M vì cho rằng anh M có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ tên là Nguyễn Thị Hoài Phương, chị đang đợi kết quả giải quyết đơn tố cáo đối với anh M của Trường Trung học cơ sở - Dân tộc nội trú NĐ, nơi anh M đang công tác. Ngày 07/7/2023 Trường Trung học cơ sở-Dân tộc Nội trú NĐ đã có thông báo kết luận số 109/TB-DTNT về kết quả giải quyết tố cáo, kết luận: “Các bằng chứng tố cáo của bà Nguyễn Thị Quế T đưa ra chưa đủ căn cứ để khẳng định ông Nguyễn Ngọc M có quan hệ bất chính với bà Nguyễn Thị Hoài Phương”. Đây cũng là một

trong những nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và do không tìm được giải pháp để cải thiện tình cảm nên hai vợ chồng đã sống ly thân. Qua xác M người thân của anh M, chị T thì được biết mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không có khả năng để cải thiện, mục đích hôn nhân giữa anh M và chị T không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc M được ly hôn chị Nguyễn Thị Quế T.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Thị Quế T có 02 người con chung là Nguyễn Ngọc Anh Q, sinh ngày 27/10/2001 và Nguyễn Ngọc Anh Q, ngày 08/6/2004. Hiện nay những người con chung này đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh M và chị T không yêu cầu về việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh M và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NĐ có căn cứ pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc M

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Quế T.

- Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc M và chị Nguyễn Thị Quế T có 02 người con chung là Nguyễn Ngọc Anh Q, sinh ngày 27/10/2001 và Nguyễn Ngọc Anh Q, ngày 08/6/2004. Hiện nay những người con chung này đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh M và chị T không yêu cầu về việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh M và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng lệ phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002688 ngày 13/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; anh M đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện NĐ;
- Chi cục THADS huyện NĐ;
- UBND xã LS, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Lợi **Nguyễn Nhàn Khánh Phú** **Nguyễn Văn Mạnh**